KIẾN THỨC TRỌNG TÂM MÔN NGỮ VĂN 12

Chủ đề 1. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

I. Tóm tắt kiến thức

1. Yêu cầu cơ bản:

- Nhận biết về phương thức biểu đạt, cách sử dụng từ ngữ, câu văn, hình ảnh, các biện pháp tu từ,…

-Hiểu đặc điểm thể loại, phương thức biểu đạt, ý nghĩa của việc sử dụng từ ngữ, câu văn, hình ảnh, biện pháp tu từ.

-Hiểu nghĩa của một số từ, quan điểm của tác giả trong văn bản

-Khái quát được nội dung cơ bản của văn bản, đoạn văn.

-Bày tỏ suy nghĩ bằng một đoạn văn ngắn.

2. Phạm vi kiến thức:

2.1. Phong cách chức năng ngôn ngữ:

- Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt
- Phong cách ngôn ngữ khoa học
- Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
- Phong cách ngôn ngữ chính luận
- Phong cách ngôn ngữ hành chính

2.2. Phương thức biểu đạt.

- Tự sự
- Miêu tả.
- Biểu cảm
- Nghị luận
- Thuyết minh
- Hànhchính – công vụ

2.3. Phép liên kết:

- Phép thế
- Phép lặp
- Phép nối
- Phép liên tưởng
- Phép tương phản
- Phép tỉnh lược

2.4. Các biện pháp tu từ và tác dụng của các BPTT

- So sánh
- Ẩn dụ
- Nhân hóa
- Hoán dụ
- Nói quá- phóng đại
- Nói giảm- nói tránh
- Điệp từ
- Điệp ngữ
- Tương phản- đối lập
- Phép liệt kê
- Phép điệp cấu trúc
- (Lặp cú pháp)
- Câu hỏi tu từ;
- Chêm xen…

2.5. Các hình thức diễn đạt của đoạn văn:

- Diễn dịch,
- Song hành
- Qui nạp
- Móc xích
- Tổng – phân – hợp…

2.6. Các thể thơ: Căn cứ vào *số tiếng của mỗi dòng thơ để xác định thể thơ:*

- Lục bát
- Song thất lục bát
- Thất ngôn (7 chữ)
- Thơ tự do
- Thơ ngũ ngôn (5 chữ)
- Thơ 8 chữ

2.7. Các thao tác lập luận:

- Giải thích
- Chứng minh
- Bình luận
- Phân tích
- So sánh
- Bác bỏ
- ….

2.8.Trả lời câu hỏi "Theo tác giả/ theo đoạn trích…."

2.9. Thông điệp rút ra từ văn bản.

3. Các cấp độ câu hỏi trong phần Đọc hiểu

3.1. Cấp độ nhận biết

Đây là cấp độ dễ nhất. Mục đích năng lực tư duy giúp học sinh nhớ lại khái niệm cơ bản, có thể nêu hoặc nhân ra, liệt kê được, thuật lại được khi đề yêu cầu. Ở cấp độ này, đề bài thường hỏi:

- Tìm/ chỉ ra/xác địnhvăn bản sử dụng PTBĐ chính, PCNN, phép lien kết, cách trình bày (hình thức diễn đạt), phép tu từ, đề tài, thể thơ…
- Xác định chủ đề/ câu chủ đề/ đặt nhan đề..
- Theo tác giả, "…" là gì?
- Chỉ ra từ ngữ, hình ảnh… trong văn bản.,,,

3.2. Cấp độ thông hiểu:

Mục đích giúp HS hiểu được, diễn giải được các khái niệm cơ bản trong quá trình giải đáp câu hỏi. Ở cấp độ này, đề bài thường hỏi:

- Anh/ chị hiểu như thế nào về câu/ từ ngữ/ hình ảnh/ khái niệm…được nêu trong văn bản?
- Vì sao tác giả cho rằng…?
- Cho biết tác dụng của phép tu từ…?

3.3. Cấp độ vận dụng:

Yêu cầu học sinh có thể hiểu được khái niệm cơ bản ở mức độ cao hơn hiểu (tức là hiểu rồi vận dụng, lien hệ với bản thân). Ở cấp độ này, đề thường hỏi:

- Yêu cầu rút ra ý nghĩa/ bài học từ văn bản.
- Yêu cầu đưa ra các giải pháp hoặc lien hệ thực tiễn.
- Bày tỏ tình huống lựa chọn
- Bày tỏ suy nghĩ/ cảm nhận về câu văn/ câu thơ được trích từ văn bản.
- Anh/ chị có đồng tình với ý kiến/ quan điểm "…" hay không? Vì sao?
- Thông điệp/ bài học có ý nghĩa nhất đối với anh/ chị?

4. Một số lỗi thường gặp:

- Xác định trọng tâm yêu câu của câu hỏi chưa chính xác
- Hiểu chưa đúng yêu cầu của câu hỏi
- Xử lí chưa hết lượng thông tin cần có trong yêu cầu của đề
- Trả lời câu hỏi quá dài dòng, không cần thiết

- Phân bố thời gian không hợp lí. Phần Đọc hiểu chỉ nên dành thời gian 25 đến 30 phút trong tổng thời gian 120 phút làm bài…..

5. Kĩ năng làm bài:

5.1. Đọc và nhận biết yêu cầu của đề:

- Bước 1. Đọc lướt để tìm chủ đề hoặc tìm ý.
- Bước 2. Đọc kí ngữ liệu và các câu hỏi để tìm chi tiết, thông tin. Bước này chú ý gạch chân các từ khóa quan trọng trong câu hỏi và ngữ liệu.

5.2. Cách nhận biết và trả lời câu hỏi

Căn cứ vào câu lệnh của đề từ đó xác định phạm vi trả lời. Có thể dựa theo một số căn cứ gợi ý sau:

- Căn cứ vào các từ chỉ số lượng:

+ *Các/ Những* -> câu trả lời sẽ bằng hoặc lớn hơn 2 phương án.

+ *Chính/ Chủ yếu* -> Chỉ nêu 1 phương án trả lời

+ Câu hỏi chung chung, không có từ chỉ số lượng cụ thể -> Có thể trả lời 1 hoặc nhiều phương án.

- Căn cứ vào từ hỏi để xác định mức độ của câu hỏi:

+ *Hãy chỉ ra…/ Nêu…/ Căn cứ vào văn bản../ Theo tác giả…*-> Mức độ nhận biết. HS cần bám sát văn bản để trả lời.

+ *Anh/ chị hiểu như thế nào..?/Theo anh/ chị…/ Tác dụng của BPTT/ ý nghĩa….* -> Mức độ thông hiểu. HS căn cứ vào văn bản ngữ liệu để xác định câu trả lời.

+ *Vì sao…/ Đúng-sai/ đồng tình hay không đồng tình/ nêu ý kiến/ giải pháp…*-> Mức độ vận dụng. HS dùng vốn hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn để suy luận và trả lời

II. Bài tập vận dụng

Bài tập 1. Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

…….
Vàng bạc uy quyền không làm ra chân lí
Óc nghĩ suy không thể mượn vay
Bạch Đằng xưa, Cửu Long nay
Tắm gội lòng ta chẳng bao giờ cạn.

Ta tin ở sức mình, vô hạn
Như ta tin ở tuổi 25
Của chúng ta là tuần trăng rằm
Dám khám phá, bay cao, tự tay mình bẻ lái.

Ta tin ở loài người thúc nhanh thời đại
Những sông Thương bên đục, bên trong
Chảy về xuôi, càng đẹp xanh dòng
Lịch sử vẫn một sông Hồng vĩ đại...

(Trích *Tuổi 25* của Tố Hữu, sách *Tố Hữu Từ ấy và Việt Bắc*, NXB văn học, tr332)

Câu 1. Xác định thể thơ của đoạn thơ trên?

Câu 2. Anh/chị hiểu như thế nào về khổ thơ

Ta tin ở sức mình, vô hạn
Như ta tin ở tuổi 25
Của chúng ta là tuần trăng rằm
Dám khám phá, bay cao, tự tay mình bẻ lái.

Câu 3. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng ở khổ thơ thứ 2. Hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ ấy?

Câu 4. Nhà thơ đã tâm sự gì qua đoạn thơ trên?

Bài tập 2. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Sự trưởng thành của con người luôn song hành cùng những vấp ngã và sai lầm. Vì thế, hãy chấp nhận điều đó như một lẽ tự nhiên. Khi trẻ học nói, học đi hay bất cứ điều gì, chúng đều phải nếm trải những va vấp. Chúng ta cũng vậy, có thể đắng sau những tư tưởng vừa lĩnh hội, hoặc sau sự chín chắn rèn giũa được là một thất bại, hay một bước lùi nào đó. Tuy nhiên, đừng đánh đồng những sai lầm ấy với việc ta không thể trưởng thành. Hãy hiểu rằng, như một lẽ tự nhiên, sau một bước tiến xa luôn tồn tại một bước lùi gần và hãy tin tưởng rằng mọi trải nghiệm đều đem lại cho ta những bài học quý giá nếu ta biết trân trọng nó.

Chính vì vậy, đừng giữ thái độ cầu toàn trong mọi sự. Dĩ nhiên, để đạt được điều mình mong muốn, ta phải không ngừng nỗ lực. Nhưng đừng yêu cầu cuộc đời phải viên mãn thì ta mới hài lòng và cũng đừng đòi hỏi mọi mối quan hệ phải hoàn hảo thì ta mới nâng niu trân trọng. Hoàn hảo là một điều không tưởng. Trên đời, chẳng có gì là hoàn thiện, hoàn mĩ cả. […]

Khi tìm kiếm sự hoàn hảo, người ta dễ trở nên hà khắc, hay phán xét bản thân và mọi người. Bởi vậy, trên con đường trưởng thành của mình, mỗi người cần phải học cách chấp nhận người khác và chấp nhận bản thân như vốn có.

(Theo *Quên hôm qua sống cho ngày mai* – Tian Dayton, Ph.D – NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2014)

Câu 1. Chỉ ra phương pháp biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Theo tác giả, vì sao *đừng giữ thái độ cầu toàn trong mọi sự*?

Câu 3. Anh/ chị hiểu như thế nào về ý kiến: *như một lẽ tự nhiên, sau một bước tiến xa luôn tồn tại một bước lùi gần*?

Câu 4. Anh/ chị có đồng tình với quan niệm: *trên con đường trưởng thành của mình, mỗi người cần phải học cách chấp nhận người khác và chấp nhận bản thân như vốn có*? Vì sao?

Bài tập 3. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Chúng ta vẫn thường nghe một người tằn tiện phán xét người khác là phung phí. Một người hào phóng đánh giá người kia là keo kiệt. Một người thích ở nhà chê bai kẻ khác bỏ bê gia đình. Và một người ưa bay nhảy chê cười người ở nhà không biết hưởng thụ cuộc sống… Chúng ta nghe những điều đó mỗi ngày, đến khi mệt mỏi, đến khi nhận ra rằng đôi khi phải phớt lờ tất cả những gì người khác nói và rút ra một kinh nghiệm là đừng bao giờ phán xét người khác một cách dễ dàng.

[….]Thỉnh thoảng chúng ta vẫn gặp những người tự cho mình quyền được phán xét người khác theo một định kiến có sẵn. Những người không bao giờ chịu chấp nhận sự khác biệt. Đó không phải là điều tồi tệ nhất. Điều tồi tệ nhất là chúng ta chấp nhận buông mình vào tấm lưới định kiến đó. Cuộc sống của ta nếu bị chi phối bởi định kiến của bản thân đã là điều rất tệ, nên nếu bị điều khiển bởi định kiến của những người khác hẳn còn tệ hơn nhiều. Sao ta không thể thôi sợ hãi, và thử nghe theo chính mình?

(*Lắng nghe lời thì thầm của trái tim* – Phạm Lữ Ân)

Câu 1: Văn bản trên chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu 2: Nêu nội dung chính của văn bản?

Câu 3: Giải thích nghĩa của từ "định kiến" trong văn bản trên?

Câu 4: Dựa vào đoạn trích, hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng "đừng bao giờ phán xét người khác một cách dễ dàng" ?

Bài tập 4. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Tuổi trẻ là đặc ân vô giá của tạo hóa ban cho bạn. Vô nghĩa của đời người là để tuổi xuân trôi qua trong vô vọng.(…) Người ta bảo, thời gian là vàng bạc, nhưng sử dụng đúng thời gian của tuổi trẻ là bảo bối của thành công. Tài năng thiên bẩm chỉ là điểm khởi đầu, thành công của cuộc đời là mồ hôi, nước mắt và thậm chí là cuộc sống. Nếu chỉ chăm chăm và tán dương tài năng thiên bẩm thì chẳng khác nào chim trời chỉ vỗ cánh mà chẳng bao giờ bay được lên cao. Mỗi ngày trôi qua rất nhanh. Bạn đã dành thời gian cho những việc gì ? Cho bạn bè, cho người yêu, cho đồng loại và cho công việc? Và có bao giờ bạn rùng mình vì đã để thời gian trôi qua không lưu lại dấu tích gì không ?

Các bạn hãy xây dựng tầm nhìn rộng mở (…), biến tri thức của loài người, của thời đại thành tri thức bản thân và cộng đồng, vận dụng vào hoạt động thực tiễn của mình. Trước mắt là tích lũy tri thức khi còn ngồi trên ghế nhà trường để mai ngày khởi nghiệp; tự mình xây dựng các chuẩn mực cho bản thân; nhận diện cái đúng, cái sai, cái đáng làm và cái không nên làm. Trường đời là trường học vĩ đại nhất, nhưng để thành công bạn cần có nền tảng về mọi mặt, thiếu nó không chỉ chông chênh mà có khi vấp ngã.

(Theo Báo mới.com; 26/ 03/ 2018)

Câu 1: Chỉ ra điều cần làm trước mắt được nêu trong đoạn trích.

Câu 2: Phân tích ngắn gọn tác dụng của câu hỏi tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 3: Anh/chị hiểu thế nào về ý kiến: *"Trường đời là trường học vĩ đại nhất, nhưng để thành công bạn cần có nền tảng về mọi mặt"*?

Câu 4: Anh/chị có cho rằng *"Tài năng thiên bẩm chỉ là điểm khởi đầu, thành công của cuộc đời là mồ hôi, nước mắt và thậm chí là cuộc sống"* không? Vì sao?

Bài tập 5. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Trí tuệ giống như ngọn đèn trong đêm tối, soi sáng con đường chông gai phía trước. Trí tuệ giống như chiếc chìa khóa diệu kì, mở ra cánh cửa tâm hồn. Trí tuệ giống như những tia nắng mặt trời ấm áp, xua tan bóng tối lạnh giá. Đấng tạo hóa có trí tuệ thì mới có thể tạo ra một thế giới diệu kì, nhân loại có trí tuệ chỉ đường sẽ bước sang thế giới hiện đại văn minh. Khi có trí tuệ, bạn sẽ dễ dàng gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống. Bảy trăm năm trước, Giovanni Boccaci đã nói : "Trí tuệ là cội nguồn hạnh

phúc của con người". Thật vậy, có trí tuệ, bạn sẽ có nhiều niềm vui và mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh.

(Trích *"Kĩ năng sống dành cho học sinh, sự kiên cường"* – Ngọc Linh, NXB Thế giới 2019)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

Câu 2 (0,5 điểm). Nêu nội dung chính của đoạn trích ?

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp lặp cú pháp được tác giả sử dụng trong đoạn văn.

Câu 4 (1,0 điểm). Anh/chị có đồng tình với ý kiến *" Khi có trí tuệ, bạn sẽ dễ dàng gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống."* không? Vì sao ?

Chủ đề 2. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

I. Một số kiến thức cơ bản về đoạn văn NLXH và các dạng câu hỏi NLXH.

1. Một số kiến thức cơ bản về đoạn văn NLXH

1.1 Khái niệm đoạn văn và đoạn văn NLXH:

Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh trong hệ thống ý hướng tới chủ đề chung của văn bản. Đoạn văn được bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng. Đoạn văn thường do nhiều câu tạo nên.

Đoạn văn nghị luận xã hội là đoạn văn được xây dựng bằng phương thức nghị luận lấy đề tài từ các lĩnh vực xã hội, chính trị, đạo đức… làm nội dung bàn bạc nhằm làm sáng rõ cái đúng, sai, tốt, xấu của vấn đề được nêu ra và từ đó đem đến một cách hiểu thấu đáo về vấn đề nghị luận cũng như vận dụng nó vào đời sống và bản thân.

1.2. Yêu cầu:

- Hs chỉ thực hiện viết một đoạn văn khoảng 200 từ (khoảng ½ đến 2/3 trang giấy thi).
- Nội dung nghị luận sẽ tích hợp, liên quan đến phần đọc – hiểu .
- Khi viết một đoạn văn NLXH, phải đảm bảo tính khách quan, khoa học và hướng về vấn đề bàn luận được đặt ra trong đề bài. Điều đó đòi hỏi người viết phải có kinh nghiệm và vốn sống phong phú, hiểu biết rộng và có óc tư duy sắc sảo. Do đó, đoạn văn dù ngắn nhưng cũng cần phải đạt được một số yêu cầu cơ bản sau:

-Thể hiện sự hiểu biết chính xác, tường tận về vấn đề hay hiện tượng xã hội được bàn bạc. Người viết phải chỉ ra được thực chất cũng như xu hướng vận động của vấn đề hay hiện tượng đó.

-Người viết phải có chính kiến, bộc lộ công khai lập trường quan điểm, tư tưởng của mình; đề xuất những ý kiến, nhận định, đánh giá về vấn đề xã hội được đem ra bàn bạc; đưa ra đề nghị, giải pháp thích hợp.

-Học sinh phải sử dụng nhiều thao tác nghị luận như giải thích, phân tích, chứng minh và bàn luận mở rộng vấn đề.

1.3. Một số kiểu đoạn văn NLXH thường gặp.

- Đoạn văn diễn dịch: Câu chủ đề (câu chốt) nằm ở đầu đoạn, các câu sau triển khai ý từ câu chủ đề.
- Đoạn văn quy nạp: Câu chủ đề (câu chốt) nằm ở cuối đoạn, các câu triển khai được đặt ở phần đầu đoạn.
- Đoạn văn tổng – phân – hợp: Câu chủ đề đặt ở đầu đoạn, sau khi bàn luận câu cuối đoạn chốt lại vấn đề. ***(Đây là kiểu đoạn văn phù hợp nhất để thực hiện viết đoạn văn NLXH)***

1.4. Hướng dẫn viết đoạn văn theo cấu trúc tổng – phân – hợp

Bước 1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận, viết câu chủ đề của đoạn văn.

Bước 2. Giải thích sơ lược vấn đề (nếu cần). Nêu quan điểm đánh giá về vấn đề nghị luận: *Vấn đề đó có tầm quan trọng không? Bản chất vấn đề đó có cần thiết cho cuộc sống không?*

Bước 3. Đưa ra các lí lẽ để bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề đang bàn luận. Đây là phần trọng của đoạn văn nên HS cần vận dụng nhiều thao tác để lập luận:

- Thao tác 1. Đưa ra các lí lẽ làm sáng rõ tầm quan trọng/ sự cần thiết của vấn đề nghị luận(trước mỗi lí lẽ nên dùng các từ điểm ý như: *Thứ nhất, Thứ hai,…Mặt khác/ Trước hết/ Bên cạnh đó/ Ngoài ra/ Thêm nữa…)*
- Thao tác 2. Đưa ra lí lẽ phản biện (chỉ nên nêu từ một đến hai lí lẽ phản biện). HS cần nhìn vào thực tiễn đời sống để phát hiện khía cạnh phản biện

Bước 4. Khái quát ngắn gọn hướng hành động của bản thân (bài học nhận thức)

Bước 5. Viết câu kết đoạn. *Vì thế… / Cho nên… Vì vậy….*

2. Các dạng câu hỏi NLXH thường gặp

Đề thi	**Ngữ liệu đọc hiểu**	**Câu hỏi NLXH**	**Dạng câu hỏi**
THPTQG năm 2018	Đoạn thơ trích trong bài *"Đánh thức tiềm lực"* của nhà thơ Nguyễn Duy	Từ nội dung phần Đọc – hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về *sứ mệnh đánh thức tiềm lực đất nước của mỗi cá nhân trong cuộc sống hiện nay.*	Hỏi về bài học nhận thức và hành động của mỗi người trong việc đánh thức tiềm lực của đất nước.
THPTQG năm 2019	Đoạn thơ trích trong bài thơ *"Trước biển"* của nhà thơ Vũ Quần Phương	Từ nội dung đoạn trích ở đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về sức mạnh ý chí của con người trong cuộc sống.	Hỏi về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của ý chí con người
TNTHPT năm 2020	Đoạn trích *"Cách sống; từ bình thường trở nên phi thường"* của tác giả Inamori Kazuo.	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu , anh/ chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống mỗi ngày.	Hỏi về sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống mỗi ngày.

3. Một số lỗi cần tránh khi viết đoạn văn NLXH.

- Viết đoạn văn không đúng cấu trúc, không đảm bảo hình thức đoạn văn.
- Không đủ dung lượng yêu cầu hoặc quá dài so với yêu cầu của đề.
- Kể lể, nhắc lại nhiều chi tiết, từ ngữ trong ngữ liệu Đọc hiểu hoặc chép lại, lắp ghép một cách vụng về.
- Dẫn chứng không phù hợp (lấy dẫn chứng từ văn bản văn học, đưa dẫn chứng chung chung, không tiêu biểu)
- Diễn đạt lan man, sử dụng nhiều từ(câu) văn nói.
- ….

II. Bài tập vận dụng (HS xem ngữ liệu Đọc hiểu trong chủ đề 1)

Bài tập 1. Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về *niềm tin của tuổi trẻ vào chính mình* được gợi ra từ đoạn trích trong phần Đọc hiểu (1)

Bài tập 2. Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu (2), anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự trải nghiệm trong cuộc sống.

Bài tập 3. Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến của tác giả được nêu trong đoạn trích ở phần đọc – hiểu (3): *"Cuộc sống của ta nếu bị chi phối bởi định kiến của bản thân đã là điều rất tệ, nên nếu bị điều khiển bởi định kiến của những người khác hẳn còn tệ hơn nhiều"*

Bài tập 4. Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu (4), anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về điều bản thân cần làm để tuổi trẻ có ý nghĩa./.

Bài tập 5. Anh/ chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn luận về ý kiến *"Trí tuệ là cội nguồn hạnh phúc của con người"* được nêu trong phần Đọc - hiểu (5)

Chủ đề 3. **VĂN BẢN THƠ**

TÂY TIẾN

- Quang Dũng-

I. Kiến thức trọng tâm

1. Tác giả: Quang Dũng một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh và soạn nhạc.Nhưng trên hết vẫn là một nhà thơ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa- đặc biệt là khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài của mình, thơ Quang Dũng giàu chất nhạc, chất họa.

2. Đoàn quân Tây Tiến và hoàn cảnh ra đời bài thơ:

3. Nội dung:

a. Đoạn 1: Bức tranh thiên nhiên núi rừng miền Tây bắc hùng vĩ, dữ dội nhưng vô cùng mĩ lệ, trữ tình và hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân trong cảm xúc " nhớ chơi vơi " về một thời Tây Tiến:

* Thiên nhiên Tây Bắc trong cảm xúc nhớ nhung của tác giả là một vùng đất xa xôi, hoang vắng, hùng vĩ, dữ dội, khắc nghiệt, đầy bí hiểm nhưng vô cùng thơ mộng, trữ tình.

-Những địa danh được nhắc đến trong đoạn thơ: *Sài Khao, Mường Lát, Mường Hịch*… gợi ấn tượng về những miền đất xa lạ, hoang sơ.

- Cảnh núi non trùng điệp, với bao dốc cao, vực thẳm được miêu tả chân thực trong bốn câu thơ: *Dốc lên khúc khuỷu… mưa xa khơi* cho thấy sự hoang vắng, hùng vĩ, dữ dội, khắc nghiệt của thiên nhiên.

- Cảnh thiên nhiên dữ đội, hoang sơ và âm u, đầy bí hiểm được diễn tả đầy ấn tượng trong hai câu: *Chiều chiều oai linh…cọp trêu người.*

- Nhưng thiên nhiên Tây Bắc cũng thật thơ mộng trữ tình: *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi,* hay *Mường Lát hoa về trong đêm hơi.*

* Hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân:

-Đầy gian khổ, hi sinh với những cuộc hành quân khắc nghiệt, triền miên đã vắt kiệt sức lực của người lính, có người đã ngã xuống, hi sinh ngay trên đường hành quân : *Anh bạn dãi dầu…bỏ quên đời*.

-Nhưng họ vẫn ngang tàng, mạnh mẽ trước gian lao và tâm hồn vẫn trẻ trung, lãng mạn trước vẻ đẹp của thiên nhiên và con người miền Tây bắc.

b. Đoạn 2: **Những kỉ niệm đẹp về đêm liên hoan và vẻ đẹp thơ mộng của núi rừng**:

* Cảnh đêm liên hoan rực rỡ, lung linh chung vui với bản làng xứ lạ được cảm nhận với niềm say sưa, ngỡ ngàng của người lính:

Trong không khí tràn ngập ánh sáng lung linh của *đuốc hoa,* của tiếng khèn- điệu nhạc đặc trưng của các dân tộc thiểu số, nổi bật lên là hình ảnh các cô thiếu nữ dân tộc hiện ra đẹp lộng lẫy trong trang phục rực rỡ, nhưng vẫn giữ nguyên vẻ e ấp, tình tứ, uyển chuyển trong các điệu múa mang màu sắc xứ lạ, phương xa. Tất cả làm say mê tâm hồn các chàng lính trẻ.

* Cảnh thiên nhiên sông nước miền tây một chiều sương giăng hư ảo:

-Vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên được gợi lên với những nét mờ ảo: buổi chiều sương, những bông lau lay động trên những bến bờ như cũng có hồn, những bông *hoa đong đưa* trên sóng nước tạo nên bức tranh huyền ảo, mĩ lệ.

-Trên dòng sông đậm màu cổ tích là *dáng người* uyển chuyển, mềm mại nhưng cũng mạnh mẽ, hào hùng trên con thuyền *độc mộc,* giữa *dòng nước lũ*. Hình ảnh ấy tạo nên vẻ đẹp rắn rỏi, khoẻ khoắn cho bức tranh thiên nhiên thơ mộng.

c. Đoạn 3: Bức chân dung về người lính Tây Tiến trong nỗi " nhớ chơi vơi " về một thời gian khổ mà hào hùng:

* Vẻ đẹp lẫm liệt, kiêu hùng, hào hoa, lãng mạn.

- Lẫm liệt, kiêu hùng: mặc dù ngoại hình dữ dội *không mọc tóc, da xanh màu lá*, nhưng ở người lính vẫn không hề gợi lên sự xanh xao, tiều tụy mà ngược lại vẫn toát lên vẻ oai phong, lẫm liệt, kiêu hùng, vẫn *dữ oai hùm*.
-Tâm hồn hào hoa, lãng mạn biểu hiện trong nỗi nhớ nhung, mơ mộng rất lãng mạn *Đêm mơ Hà Nội, dáng kiều thơm.*
* Vẻ đẹp bi tráng:
- Sự hi sinh của người lính gợi niềm thương cảm: *Rải rác biên cương…, Áo bào thay chiếu…*
- Nhưng cái bi thương ấy bị mờ đi trước lí tưởng xả thân quên mình vì Tổ quốc: *Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*, nên cái *bi* đã trở thành *bi tráng*; gian khổ, hi sinh mà vẫn mạnh mẽ, hào hùng.
- Âm thanh *khúc độc hành* của dòng sông Mã ở cuối đoạn thơ cũng góp phần làm tăng vẻ đẹp bi tráng cho sự hi sinh của người lính Tây Tiến.

4. Nghệ thuật **:**
-Cảm hứng và bút pháp lãng mạn.
-Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt….
-Kết hợp chất nhạc và chất họa.

5. Ý nghĩa văn bản**:**

Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ luôn đồng hành trong trái tim và trí óc của mỗi chúng ta.

II. Bài tập vận dụng:

ĐỀ 1:

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

(Trích *Tây Tiến* - Quang Dũng, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục, 2007)

ĐỀ 2:

Anh/Chị hãy trình bày cảm nhận của mình về đoạn thơ sau:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa

Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

(Trích *Tây Tiến* – Quang Dũng, *Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục, 2009, trang 88)

ĐỀ 3: Anh/ chị hãy phân tích đoạn thơ sau để làm rõ vẻ đẹp của hình tượng người lính Tây Tiến

"*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ,
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh,
Áo bào thay chiếu anh về đất,
Sông Mã gầm lên khúc độc hành".

(Trích *Tây Tiến*, Quang Dũng - Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục VN, 2009)

VIỆT BẮC

-Tố Hữu –

I. Kiến thức trọng tâm

1. Hoàn cảnh sáng tác.

2.Việt Bắc là bài thơ đậm đà tính dân tộc:

a) ***Về nội dung***

- Viết về cuộc kháng chiến chống Pháp trường kì, gian khổ nhưng rất anh hùng của cả dân tộc.
- Tình nghĩa của nhân dân Việt Bắc với cách mạng và kháng chiến là tình cảm cách mạng sâu đậm, tiếp nối mạch nguồn tình cảm yêu nước thuỷ chung vốn là truyền thống lâu bền của dân tộc.

b) ***Về nghệ thuật***

- Việt Bắc được viết theo thể thơ lục bát – một thể thơ truyền thống rất đặc sắc và quen thuộc với người dân Việt Nam.
- Lối kết cấu đối đáp trong ca dao dân ca truyền thống (giữa người ra đi và người ở lại) được vận dụng tài tình, phù hợp với nội dung tư tưởng và tình cảm của bài thơ.
- Những biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, ước lệ…được sử dụng rộng rãi, tạo nên phong vị dân gian và tính chất cổ điển của bài thơ.
- Giọng thơ ngọt ngào, tâm tình, cách xưng hô *mình – ta* quen thuộc trong ca dao khiến bài thơ như một bản tình ca về lòng thuỷ chung son sắt của người cách mạng với nhân dân Việt Bắc.

3. Nội dung đoạn trích:

3.1 Tám câu đầu: Khung cảnh chia tay và tâm trạng con người:

- Bốn câu trên*:* Lời ướm hỏi, khơi gợi kỉ niệm về một giai đoạn đã qua trong khoảng thời gian *15 năm* của CM và kháng chiến, về không gian nguồn cội, nghĩa tình… qua đó thể hiện tâm trạng của người ở lại.

- Bốn câu tiếp theo: Tiếng lòng người về xuôi bâng khuâng, lưu luyến qua cách sử dụng những từ láy *tha thiết; bâng khuâng; bồn chồn* và cử chỉ *cầm tay nhau biết nói gì hôm nay*..

3.2.Tám mươi hai câu sau: Những kỉ niệm về Việt Bắc hiện lên trong hoài niệm.

a. Mười hai câu hỏi: Gợi lên những kỉ niệm ở Việt Bắc trong những năm tháng đã qua, khơi gợi, nhắc nhớ những kỉ niệm trong những năm cách mạng và kháng chiến.

+ Cuộc kháng chiến trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn; thiên nhiên khắc nghiệt: *Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù; Miếng cơm chấm muối* nhưng những người kháng chiến và nhân dân VB càng khắc sâu mối thù với giặc ngoại xâm*: mối thù nặng vai.*

+ Việt Bắc là chiến khu an toàn; nhân dân ân tình, thuỷ chung, hết lòng với cách mạng và kháng chiến, dù cuộc sống của họ còn nghèo nàn, cơ cực, nhưng tình cảm thì thuỷ chung, son sắt: *Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son*.

b. Bảy mươi câu tiếp theo*:* Mượn lời đáp của người về xuôi, nhà thơ bộc lộ nỗi nhớ da diết với Việt Bắc; qua đó, dựng lên hình ảnh chiến khu trong kháng chiến anh hùng và tình nghĩa thuỷ chung. Nội dung chủ đạo là nỗi nhớ Việt Bắc, những kỉ niệm về Việt Bắc

- ***Bốn câu đầu:*** Khẳng định tình nghĩa thuỷ chung son sắt.
- ***18 câu tiếp:*** Đoạn thơ thể hiện nỗi nhớ về Việt bắc: nhớ thiên nhiên, núi rừng và con người cùng cuộc sống ở Việt Bắc.

+ Nhớ thiên nhiên thơ mộng, trữ tình trong những không gian, thời gian khác nhau: sương sớm, nắng chiều, đêm trăng ; Nhớ những sinh hoạt của con người gắn với hình ảnh bếp lửa, với nếp nhà sàn quen thuộc, nhớ những hình ảnh rừng nứa, bờ tre, những địa danh ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê…

+ Nhớ những tình cảm gắn bó, chia ngọt sẻ bùi của người dân VB trong kháng chiến: *Thương nhau chia củ sắn lùi/ bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng* ; Nhớ những người dân Việt Bắc có cuộc sống tuy nghèo cực nhưng ân tình sâu nặng qua hình ảnh người mẹ địu con lên rẫy.

+ Nhớ cảnh sinh hoạt sôi động, hào hùng trong kháng chiến với những lớp học dạy bình dân học vụ, những giờ phút liên hoan…tràn đầy tinh thần lạc quan.

- ***10 câu tiếp:*** Nỗi nhớ thiên nhiên bốn mùa xuân- hạ- thu- đông với những vẻ đẹp đa dạng, càng đẹp hơn trong sự gắn bó, hoà quyện với con người Việt Bắc cần cù chịu khó và rất giàu ân tình với kháng chiến.
- ***12 câu tiếp theo:*** Nhớ về cuộc kháng chiến anh hùng với cảnh Việt Bắc ra quân hùng tráng và những tin vui chiến thắng dồn dập từ khắp mọi miền của Tổ quốc.
- ***16 câu cuối:*** Nhớ cảnh và người Việt Bắc, những kỉ niệm về cuộc kháng chiến.

4.Nghệ thuật: Bài thơ đậm đà tính dân tộc,tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu: thể thơ lục bát; Lối đối đáp của ca dao; cách xưng hô "mình - ta" trong ca dao trữ tình, ngôn từ mộc mạc, giàu sức gợi.

5.Chủ đề : Bài thơ là bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến, là bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.

II. Bài tập vận dụng:

Đề 1: Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

Thương nhau, chia củ sắn lùi

……

Chày đêm nện cối đều đều suối xa.

(Trích *Việt Bắc*, Tố Hữu)

Đề 2: Trong bài *Việt Bắc,* Tố Hữu viết:

"*Những đường Việt Bắc của ta*

……

Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan".

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên./.

Đề 3: Cảm nhận của anh/chị về bức tranh thiên nhiên và con người qua đoạn thơ sau:

" Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

…….

Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung".

(*Việt Bắc*- Tố Hữu)

Đề 4: Cảm nhận đoạn thơ sau :

Mình về mình có nhớ ta

……..

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay…

(Trích *Việt Bắc* – Tố Hữu)

ĐẤT NƯỚC
(Trích trường ca " *Mặt đường khát vọng*")
-Nguyễn Khoa Điềm-

I. Kiến thức trọng tâm

1. Tác giả : Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Thơ ông mang khuynh hướng trữ tình – chính luận, giàu chất trí tuệ, suy tư, cảm xúc dồn nén.

2. Hoàn cảnh và mục đích sáng tác bản trường ca "Mặt đường khát vọng":

- *Hoàn cảnh sáng tác* : Trường ca " *Mặt đường khát vọng*" viết năm 1971, tại chiến khu Trị- Thiên, giữa không khí sục sôi chống Mĩ của cả dân tộc.
- *Mục đích*: Thức tỉnh tuổi trẻ thành thị các vùng tạm chiếm ở miền Nam nhận rõ bộ mặt xâm lược của đế quốc Mĩ; hướng về nhân dân, đất nước, đứng dậy xuống đường đấu tranh hoà nhịp với cuộc chiến đấu của toàn dân tộc.

3 Nội dung đoạn trích "Đất Nước" :

Phần 1: Cách cảm nhận độc đáo về quá trình hình thành, phát triển của đất nước; từ đó khơi
dậy ý thức về trách nhiệm thiêng liêng với nhân dân, đất nước:

*** 9 câu đầu:** Cảm nhận và lí giải về quá trình hình thành, lớn lên của Đất Nước, ngầm trả lời cho câu hỏi : *Đất Nước có từ bao giờ* ?

- Đất Nước có từ rất lâu, rất xa, Đất Nước rất gần gũi, quen thuộc mà ta có thể cảm nhận qua câu chuyện *ngày xửa ngày xưa mẹ thường hay kể*, có trong *miếng trầu bà ăn*, trong ngôi nhà ta ở, hạt lúa ta trồng…
- Đất Nước bắt đầu hình thành từ sự hình thành của những phong tục, tập quán (*ăn trầu, bới tóc*) của người Việt , gắn liền với lối sống nặng tình nghĩa, son sắt thủy chung của cha mẹ (*cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*).
- Đất Nước lớn lên, trưởng thành gắn liền với những gian lao, vất vả của dân tộc: chiến đấu chống ngoại xâm (*Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc*) và lao động *(hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, dần, sàng)* để bảo vệ và xây dựng Đất Nước.

→ Như vậy, theo Nguyễn Khoa Điềm, Đất Nước được hình thành từ những gì nhỏ bé, gần gũi, riêng tư trong cuộc sống của mỗi con người.

*** 20 câu tiếp theo:** Cảm nhận về Đất Nước trong sự thống nhất, hài hòa về các phương diện không gian-địa lí, thời gian-lịch sử, và chiều sâu của truyền thống văn hóa, ngầm trả lời cho câu hỏi *Đất Nước là gì* ?

+ Về không gian- địa lí: bằng cách chia tách ý niệm Đất Nước thành hai yếu tố, tác giả cảm nhận những điều mới mẻ:

- Đất Nước là không gian sinh hoạt hàng ngày, là không gian thơ mộng của tình yêu đôi lứa *"Đất là nơi anh đến trường…*

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm".

- Đất Nước cũng chính là không gian sinh tồn của cộng đồng dân tộc qua bao thế hệ: Từ quá khứ (*Những ai đã khuất*), hiện tại (*Những ai bây giờ*), đến các thế hệ tương lai (*Dặn dò con cháu chuyện mai sau*).
- Đất Nước là không gian mênh mông bao gồm cả núi, sông, rừng, bể gợi niềm tự hào về Đất Nước trù phú, giàu đẹp, tài nguyên vô tận:

"Đất là nơi con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc
Nước là nơi con cá ngư ông móng nước biển khơi".

+ Về thời gian-lịch sử : Chiều sâu lịch sử được cảm nhận từ những truyền thuyết xa xưa gợi nhắc về cội nguồn và tình cảm thiêng liêng với đối với tổ tiên "*Lạc Long Quân và Âu Cơ đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng".*

+ Về truyền thống văn hóa: Gợi lên truyền thống, tình cảm đạo lí được gìn giữ, lưu truyền "*Hằng năm ăn đâu làm đâu, cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ".*

*** 13 câu tiếp:** Đất Nước là sự hòa quyện không thể tách rời giữa cá nhân và cộng đồng dân tộc

- Tác giả khám phá quan hệ giữa cá nhân với Đất Nước: Đất Nước kết tinh, hóa thân trong mỗi con người "*Trong anh và em hôm nay, đều có một phần Đất Nước".*
- Đất Nước cảm nhận trong mối quan hệ riêng- chung "*Khi hai đứa cầm tay, Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm";* mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng "*khi chúng ta cầm tay mọi người, Đất Nước vẹn tròn to lớn".*
- Khơi dậy ý thức trách nhiệm thiêng liêng đối với Đất Nước: mối quan hệ máu thịt của cá nhân với Đất Nước "*Em ơi em, Đất Nước là máu xương của mình"*, vì thế nhắn nhủ mỗi người phải biết *gắn bó, san sẻ, hóa thân* để cho Đất Nước trường tồn.

<u>Phần 2</u> : Tư tưởng *Đất Nước của nhân dân- Đất Nước là kết tinh công sức khát vọng của nhân dân, chính nhân dân đã làm nên Đất Nước*, được thể hiện qua ba chiều cảm nhận:

- Từ không gian địa lí: Những thắng cảnh đẹp, những địa danh nổi tiếng khắp mọi miền Đất Nước đều do nhân dân đặt tên, ghi dấu ấn của cuộc đời, tâm hồn, khát vọng của mình trên mỗi tấc đất, ngọn núi, dòng sông…
- Từ thời gian lịch sử:
  + Lịch sử 4000 năm dựng nước và giữ nước do nhân dân làm nên.

+ Nhân dân đã sáng tạo, gìn giữ, lưu truyền những giá trị vật chất và tinh thần cho các thế hệ.

- Từ bản sắc văn hóa: Khái quát ba phương diện trong tâm hồn người Việt:
  + Say đắm, thủy chung trong tình yêu.
  + Quý trọng tình nghĩa.
  + Quyết liệt trong chiến đấu với kẻ thù.

4. Nghệ thuật :

- Sử dụng chất liệu văn hóa dân gian: ngôn từ, hình ảnh bình dị, dân dã, giàu sức gợi.
- Giọng điệu thơ biến đổi linh hoạt.
- Sức truyền cảm lớn từ sự hòa quyện của chất chính luận và chất trữ tình.

5 Ý nghĩa văn bản:

Một cách cảm nhận mới về Đất Nước qua sự thống nhất của các phương diện thời gian-lịch sử, không gian- địa lí, văn hóa- phong tục tập quán , từ đó khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hóa đậm đà bản sắc Việt Nam.

II Bài tập vận dụng:

Đề 1. Đoạn thơ sau gợi cho anh/chị cảm nghĩ gì về sự gắn bó và trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với đất nước?

" Trong anh và em hôm nay
……
Làm nên Đất Nước muôn đời…".

(Trích "*Đất Nước*" của Nguyễn khoa Điềm)

Đề 2. Cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ sau trong đoạn trích "*Đất Nước*" (trích trường ca "*Mặt đường khát vọng"*) của Nguyễn khoa Điềm:

"Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu
……
Những cuộc đời đã hoá núi sông ta".

Đề 3.

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng Đất Nước trong đoạn thơ sau:

"Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi
…..
Đất Nước có từ ngày đó."

SOÙNG
- Xuaân Quyønh-

I. Kiến thức trọng tâm
1. Tác giả:
Xuân Quỳnh là nhà thơ nữ xuất sắc của thơ ca Việt nam hiện đại. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của người phụ nữ giàu yêu thương, luôn khao khát hạnh phúc đời thường, bình dị, nhiều âu lo, day dứt, trăn trở trong tình yêu.
2. Tác phẩm:
- Bài thơ được viết vào năm 1967, nhân chuyến đi thực tế của nhà thơ ở vùng biển Diêm Điền- Thái Bình và được in trong tập thơ *Hoa dọc chiến hào*.
- Đề tài: tình yêu.
- Chủ đề: Lấy sóng để diễn tả tình yêu của người phụ nữ. Sóng là ẩn dụ cho tâm hồn người phụ nữ khi yêu.

3.Nội dung:
a. Bảy khổ thơ đầu: Khám phá những nét tương đồng giữa "sóng" và "em"

*** Khổ 1**:

-Hai câu thơ mở đầu, với kết cấu đối lập- song hành: *Dữ dội và dịu êm, ồn ào và lặng lẽ* cho thấy những trạng thái đôi cực phức tạp của sóng. Đây cũng chính là các cung bậc phong phú, đầy bí ẩn và chứa nhiều nghịch lí của tâm hồn người phụ nữ đang yêu.

- Hai câu tiếp: S*ông không hiểu nổi mình- Sóng tìm ra tận bể*: hành trình của sóng từ *sông* ra *bể* như khát vọng tâm hồn của người phụ nữ muốn vươn xa, thoát khỏi những gì nhỏ hẹp, chật cội, tầm thường.

*** Khổ 2**:

Sóng là hiện tượng muôn đời của tự nhiên, từ ngày xưa, cho đến tận *ngày sau* vẫn không có gì thay đổi; cũng như tình yêu luôn là nỗi khát khao muôn thuở của tuổi trẻ "*Nỗi khát vọng tình yêu, bồi hồi trong ngực trẻ"*.

*** Khổ 3, 4**:

Những câu hỏi liên tiếp: *Từ nơi nào sóng lên? Gió bắt đầu từ đâu? Khi nào ta yêu nhau*? Cho thấy điểm khởi đầu của sóng đầy bí ẩn, cũng như tình yêu của người phụ nữ là một tình cảm đặc biệt, bí ẩn nó chiếm lĩnh tâm hồn con người tự nhiên, bất ngờ, không thể lí giải được, vì thế mà tình yêu là một tình cảm thiêng liêng của con người.

*** Khổ 5, 6, 7 :** *Sóng và em luôn trăn trở, nhớ nhung và bao giờ cũng thuỷ chung son sắt*:

-Con sóng được nhân hóa, nó nhớ bờ nên dù ở *dưới lòng sâu*, hay ở *trên mặt nước* cứ mãi trăn trở, thao thức: *ngày đêm không ngủ được* .

-Nỗi nhớ của em cũng vậy, *Lòng em nhớ đến anh, cả trong mơ còn thức,* nỗi nhớ lúc nào cũng thường trực da diết trong trái tim.

-Nỗi nhớ gắn liền với lòng chung thủy và khát khao đoàn tụ dù muôn vàn cách trở, thử thách. Cho dù ở tận đại dương xa xôi con sóng nào rồi cũng đến được bờ như đến với hạnh phúc của mình, cũng như em *dẫu xuôi về phương bắc, dẫu ngược về phương nam* vẫn luôn hướng về anh môt phương.

b. Hai khổ cuối: ***Những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời và khát vọng tình yêu***.

-Khổ 8: Nhà thơ thể hiện những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời khi ý thức được sự hữu hạn của đời người, sự mong manh khó bền chặt của hạnh phúc.

-Khổ cuối: Vì thế mà nhà thơ trào dâng khát vọng hoá thân thành những con sóng, đó cũng chính là khát vọng sống hết mình trong tình yêu để trường tồn, vĩnh cửu với tình yêu.

4. Nghệ thuật:

- Nhịp điệu độc đáo, giàu sức liên tưởng; thể thơ năm chữ truyền thống; cách ngắt nhịp, gieo vần, nối khổ đặc sắc.
- Xây dựng được hình ảnh ẩn dụ *sóng* trong mối quan hệ với *em*, kết cấu song hành, giọng thơ tha thiết.

5. Ý nghĩa văn bản: Vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu tha thiết, nồng nàn, đầy khát vọng và sắt son chung thuỷ, vượt lên mọi giới hạn của đời người.

II.Bài tập:

Đề 1. Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

"Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
.....
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ"

(*Sóng* – SGK Ngữ văn 12- tập 1 – NXB Giáo dục)

Đề 2. Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

"Cuộc đời tuy dài thế

…….

Để ngàn năm còn vỗ."

("Sóng" – Xuân Quỳnh, Ngữ văn 12, tập1, NXB Giáo dục)

Đề 3. Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp tình yêu qua đoạn thơ sau:

"Con sóng dưới lòng sâu
……..
Dù muôn vời cách trở"

("Sóng" – Xuân Quỳnh, Ngữ văn 12, tập1, NXB Giáo dục)